

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : T0642013 - Auto CAD căn bản
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Trần	Khôi	3271010246	01/06/1988	,00	,00	,00	CT
2	Hà Thế	Mẫn	3373000027	05/11/1991	,00	,00	,00	CT
3	Nguyễn Tuấn	Anh	3440000003	17/09/1994	,00	,00	,00	CT
4	Tạ Tuấn	Anh	3440000004	08/12/1992	,00	,00	,00	CT
5	Nguyễn Tấn	Đạt	3440000016	11/06/1994	,00	,00	,00	CT
6	Võ Đức	Hiếu	3440000024	09/06/1993	,00	,00	,00	CT
7	Dương Ngọc	Khánh	3440000034	21/02/1991	,00	,00	,00	CT
8	Phạm Đăng	Khoa	3440000035	20/07/1993	6,00	,00	3,00	
9	Nguyễn Tấn	Phát	3440000046	1991	,00	,00	,00	CT
10	Võ Vũ	Thành	3440000062	25/05/1994	4,50	,00	2,30	
11	Lê Thanh	Tòng	3440000070	28/07/1988	,00	,00	,00	CT
12	Hoàng Bá	Tuân	3440000073	02/02/1991	4,00	,00	2,00	
13	Huỳnh Quỳnh	Long	3541010638	19/05/1992	,00	,00	,00	CT
14	Văn Hoàng	Anh	3542010532	27/01/1993	,00	,00	,00	CT
15	Nguyễn Đức	Lợi	3544010018	08/05/1993	,00	,00	,00	CT
16	Hoàng Quốc	Vương	3544010025	03/11/1993	5,00	5,00	5,00	
17	Hà Nhất	Nam	3544010026	20/04/1993	,00	,00	,00	CT
18	Nguyễn Thanh	Tài	3544010033	10/02/1993	4,50	,00	2,30	
19	Vũ Ngọc	Hải	3544010042	24/04/1992	5,50	,00	2,80	
20	Nguyễn Văn	Phong	3544010051	03/04/1991	5,50	,00	2,80	
21	Lê Thanh	Đạt	3544010055	18/05/1992	6,00	4,00	5,00	
22	Lương Thanh	Vinh	3544010106	00/ /1992	4,50	,00	2,30	
23	Trần Văn	Phú	3544010136	29/04/1993	4,50	,00	2,30	
24	Trần Thanh	Tú	3544010143	03/05/1993	6,00	1,00	3,50	
25	Nguyễn Ngọc	Tuyên	3544010153	10/04/1993	5,00	4,00	4,50	
26	Nguyễn Văn	Tín	3544010159	07/10/1993	6,00	5,00	5,50	
27	Nguyễn Hoàng	Nhân	3544010178	17/07/1993	,00	,00	,00	CT
28	La Chí	Tâm	3544010187	18/08/1993	4,50	,00	2,30	
29	Trà	Vinh	3544010221	12/03/1993	2,00	,00	1,00	
30	Trần Vũ	Nhật	3544010251	27/09/1992	,00	,00	,00	CT
31	Trịnh Quang	Tiến	3544010261	12/08/1992	5,50	,00	2,80	
32	Trần Đăng	Phong	3544010262	20/12/1993	,00	,00	,00	CT
33	Võ	Tẩu	3544010292	02/06/1993	5,50	,00	2,80	
34	Phan Hữu	Thanh	3544010379	17/08/1993	4,50	,00	2,30	
35	Dương Hoài	Sơn	3544010380	01/11/1993	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Bửu	Vinh	3544010395	26/07/1991	,00	,00	,00	CT
37	Nguyễn Duy	Khánh	3544010396	06/10/1992	,00	,00	,00	CT
38	Vương Quốc	Thịnh	3544010397	14/11/1992	,00	,00	,00	CT
39	Huỳnh Công	Tín	3544010421	01/06/1991	5,00	,00	2,50	
40	Hà Văn	Nam	3544010470	06/06/1992	5,50	4,00	4,80	
41	Nguyễn Trọng	Linh	3544010481	24/09/1988	5,00	,00	2,50	
42	Lê Thái	Anh	3544010486	21/04/1993	,00	,00	,00	CT
43	Võ Văn Huyền	Trang	3544010494	23/02/1992	5,00	,00	2,50	
44	Tsản Sỏi	Bầu	3544010504	10/03/1992	,00	,00	,00	CT
45	Ngô Toàn	Định	3544010534	14/01/1995	,00	,00	,00	CT
46	Tsản Ký	Mềnh	3544010552	29/11/1992	,00	,00	,00	CT
47	Phan Khắc	Đoàn	3544010584	09/01/1991	,00	,00	,00	CT
48	Trần Thanh	Danh	3544010591	19/01/1992	,00	,00	,00	CT
49	Nguyễn Văn	Chính	3545010019	16/02/1993	,00	,00	,00	CT
50	Nguyễn Văn	Tiến	3545010082	20/12/1993	5,00	4,00	4,50	
51	Trần Văn	Tâm	3545030229	20/10/1991	,00	,00	,00	CT

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)